TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 16/2021/ HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2021.
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa**.**
Các hội thẩm nhân dân:
1 Ông Bùi Ánh Dương;
2 Ông Vũ Thanh Nguyên;
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới- Kiểm sát viên.
Ngày 29 tháng 7 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021. Về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15A/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021. Giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1983.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Th1, xã TTh, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.
Bị đơn: Anh Đặng Tài T, sinh năm 1980.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Th1, xã TTh, huyện V B, tỉnh LC - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Triệu Thị M có yêu cầu: Chị và anh Đặng Tài T tự nguyện về chung sống, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ tháng 12/2001. Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Trong quá trình chung sống được khoảng 20 năm, trong thời gian này hạnh phúc đến đầu năm 2002 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con và làm kinh tế dẫn đến cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2016, chị và anh T tự sống ly thân mỗi người một nơi bỏ mặc và không quan tâm đến nhau nên chị không có thai với anh T. Nay xét thấy cuộc sống chung giữa chị và anh T không có hạnh phúc, tình cảm không còn, không có cách nào hàn gắn cuộc sống chung với anh T. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Tài T.

Về con: Chị Triệu Thị M xác định, chị và anh T có 03 con chung là cháu Đặng Thị Kh, sinh ngày 25/02/2004; cháu Đặng Thị Gh, sinh ngày 08/8/2006; cháu Đặng T

Th, sinh ngày 01/7/2015. Hiện cháu Gh, cháu Th đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Còn cháu Kh (cháu Kh hiện nay trên 17 tuổi 05 tháng). Tuy nhiên, cháu Kh đã tự tăng gia trồng trọt và đi làm thuê tự nuôi sống bản thân, chị và anh T không phải chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kh. Nay chị đề nghị Tòa giải quyết giao cháu Kh, cháu Gh, cháu Th cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Gh cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Gh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Triệu Thị M xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Chị và anh T tự thỏa thuận. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị Triệu Thị M xác định, chị và anh T không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đặng Tài T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho anh T. Tuy nhiên, anh T tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, từ chối không tham gia tố tụng và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản khi ly hôn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Biết được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, chị M không nhất trí quay lại đoàn tụ và tự chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh T cố ý không chấp hành tự từ bỏ quyền yêu cầu từ khi thụ lý đến nay.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng Dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tài T.

+ Về con chung: Giao cho anh Đặng Tài T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Thị Kh, sinh ngày 25/02/2004; cháu Đặng Thị Gh, sinh ngày 08/8/2006; cháu Đặng T Th, sinh ngày 01/7/2015 cho đến khi cháu Kh, cháu Gh, cháu Th đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M cấp dưỡng nuôi cháu Gh cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Gh trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Triệu Thị M giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tài T. Quá trình T hành tố tụng từ khi thụ lý đến nay anh T có mặt tại nơi cư trú thôn Thùng 1, xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn đều được Tòa án, chính quyền xã đọc và tống đạt các văn bản tố tụng và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ để anh T biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Tuy nhiên, anh T tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, từ chối không tham gia tố tụng và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, trốn tránh nghĩa vụ công dân nhằm gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị M và bỏ mặc không quan tâm. Do anh T không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị M và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để biết bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Biết được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, chị M không nhất trí quay lại đoàn tụ và tự chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh T cố ý không chấp hành tự từ bỏ quyền yêu cầu từ khi thụ lý đến khi xét xử lần một vào ngày 13/7/2021 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh T cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai T hành xét xử:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M xác định: Chị tự nguyện về chung sống với anh Đặng Tài T từ tháng 12/2001, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được gia đình hai bên đồng ý, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến thời điểm chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị M và anh T đã có đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, nhưng chị M và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, việc chị M và anh T chung sống không có đăng ký theo qui định là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố mối quan hệ giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tài T không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Triệu Thị M xác định: Chị và anh T có 03 là cháu Đặng Thị Kh, sinh ngày 25/02/2004; cháu Đặng Thị Gh, sinh ngày 08/8/2006; cháu Đặng T Th, sinh ngày 01/7/2015. Hiện cháu Kh, cháu Gh, cháu Th đang sống cùng anh T và nguyện vọng của cháu Kh, cháu Ghén tiếp tục được sống cùng bố T. Chị M xác định, anh T có điều kiện chăm sóc con, đề nghị tiếp tục giao cháu Kh, cháu Gh, cháu Th cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và thể theo nguyện vọng của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Kh, cháu Gh, cháu Th cho anh T chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù

hợp với việc tự nguyện giao con của các đương sự khi ly thân. Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Gh cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Gh trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Triệu Thị M xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về vay nợ: Triệu Thị M xác định, không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào; không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Triệu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Tài T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tài T.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Đặng Thị Kh, sinh ngày 25/02/2004; cháu Đặng Thị Gh, sinh ngày 08/8/2006; cháu Đặng T Th, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Đặng Tài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Kh, cháu Gh, cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị M phải cấp dưỡng nuôi cháu Gh cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Gh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2012/0001771 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Thị M tiếp tục phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Anh Đặng Tài T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn chị Triệu Thị M, bị đơn anh Đặng Tài T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lựa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Triệu Thị M(01).
- Bị đơn anh Đặng Tài T (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (thị trấn) (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- Lu HS vụ án (02),